

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Ty

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, nơi cư trú: Thôn H1, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2001. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh T1 ở thôn H1, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên uống rượu say, không chịu tu chí làm ăn. Chị có góp ý nhưng anh T1 không tiếp thu, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ

tháng 8 năm 2018 đến nay, chị đã về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở thôn H1, xã P. Từ khi chị bỏ về đến nay, anh T1 có đến tìm nhưng chỉ đến gây sự với gia đình chị mà không có mục đích đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T1 có một con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2015. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Bùi Thị T theo như chị T đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T có thái độ hỗn láo với bố, mẹ anh nên anh có đánh chị T. Do mâu thuẫn càng tăng nên từ tháng 8 năm 2018 đến nay chị T đã tự ý bỏ về cư trú cùng bố mẹ đẻ chị T ở thôn H, xã P. Từ khi chị T bỏ đi đến nay, anh đã nhiều lần đến tìm chị T nhưng không lần nào chị T về đoàn tụ cùng anh. Nay anh xác định tuy anh vẫn còn tình cảm với chị T, nhưng chị T cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị T có một con chung theo như lời khai chị T đã trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T; giao con chung Nguyễn Thị D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2015 cho chị Bùi Thị T nuôi dưỡng; không xem xét, giải quyết về tài sản. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hai

bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2001. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T và anh T1 thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có một con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2015. Chị T và anh T1 đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của chị T và anh T1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1

2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2015 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn

theo Biên lai thu tiền số 4094 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, nên chị T không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã P, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

